

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19- 01 - 2018
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thơ.

2. Bà Trần Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Quản Thị N, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Xóm 8, xã V, huyện K, tỉnh H. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Dương Văn C, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Xóm 9, xã V, huyện K, tỉnh H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình xét xử, chị Quản Thị N là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Dương Văn C chung sống với nhau tự nguyện, tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới vào ngày 16 tháng 01 năm 1993 (âm lịch), ngày dương chị không nhớ nhưng không đăng ký kết hôn vì do trình độ học vấn thấp và hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Sau khi cưới, chị và anh Chuẩn chung sống với nhau tại xóm 9, xã V, huyện K, tỉnh H được khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C thường xuyên uống rượu rồi đánh chửi chị nhiều lần nhưng chị vẫn chịu đựng để chung sống. Mâu thuẫn càng tăng nên đến cuối năm 2004, chị đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan đến tháng 12 năm 2007 thì về nước và chung sống với anh C được 01 ngày nhưng do anh C đánh, đuổi chị đi nên chị về nhà bố mẹ đẻ chị ở rồi tiếp tục sang

Đài Loan lao động cho đến cuối tháng 9 năm 2017 thì bị trục xuất về nước. Khi về nước chị về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 8, xã V, huyện K, tỉnh H ở. Chị và anh C đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ cuối năm 2007 cho đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình, thôn xóm góp ý bằng lời nhiều lần nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm với anh C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết ly hôn.

Anh Dương Văn C là bị đơn trình bày: Về thời gian anh và chị N tự nguyện chung sống với nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới nhưng không đăng ký kết hôn, thời gian chung sống hòa thuận, mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng đúng như chị N đã trình bày. Chị N xin ly hôn, anh xin đoàn tụ. Trường hợp Tòa án hòa giải không thành mà chị N vẫn cố tình ly hôn, anh đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm không còn.

Về con chung: Chị N và anh C trình bày thống nhất, anh chị có hai con chung là cháu Dương Thị Thanh H, sinh ngày 06/3/1995 và cháu Dương Thị L, sinh ngày 19/3/1999, các cháu đã đủ 18 tuổi, không bị tàn tật nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về con riêng: Chị N, anh C trình bày thống nhất: Không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Chị N, anh C đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa chị N, anh Ch vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không thay đổi, bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định về Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ, phí Tòa án: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quản Thị N và anh Dương Văn C. Án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện, chị Quản Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Dương Văn C là bị đơn, địa chỉ nơi cư trú: Xóm 9, xã V, huyện K, tỉnh H. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản

1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hôn nhân: Chị Quản Thị N và anh Dương Văn C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, được hai gia đình tổ chức cưới vào ngày 16 tháng 01 năm 1993 (âm lịch) nhưng không đăng ký kết hôn. Kể từ ngày chị N, anh C về chung sống với nhau đến nay anh chị có đủ điều kiện kết hôn, phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn nhưng chị N anh C vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân không được pháp luật công nhận.

Quá trình chị N, anh C chung sống được 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C thường xuyên uống rượu rồi đánh, chửi chị N nhiều lần. Mâu thuẫn càng tăng nên cuối năm 2004, chị N đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan đến tháng 12 năm 2007 về nước rồi tiếp tục đi lao động cho đến cuối tháng 9 năm 2017 thì bị trục xuất về nước. Theo tài liệu xác minh tại địa phương và lời thừa nhận của chị N và anh C, anh chị đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ cuối năm 2007 cho đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị N có yêu cầu ly hôn được Tòa án thụ lý và được Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh C theo quy định các Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi thành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị N, anh C có hai con chung là cháu Dương Thị Thanh H, sinh ngày 06/3/1995 và cháu Dương Thị L, sinh ngày 19/3/1999. Các cháu đã đủ 18 tuổi, không cháu nào bị tàn tật, chị N anh C không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về con riêng: Không có.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị N, anh Ch vẫn giữ nguyên quan điểm không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ, phí Tòa án. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi thành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ, phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quản Thị N và anh Dương Văn C.

2. Án phí: Chị Quản Thị N phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001284 ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Chị N đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Cơ quan T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã Văn Xá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Nguyệt

